

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



Quỹ đầu tư giá trị MB Capital

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo thu nhập	5 - 6
Báo cáo tình hình tài chính	7 - 8
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ	9
Báo cáo danh mục đầu tư	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 42

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư giá trị MB Capital ("Quỹ") được thành lập ngày 25 tháng 04 năm 2014 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 25 tháng 04 năm 2014, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày 18 tháng 04 năm 2014 và điều lệ sửa đổi được đại hội nhà đầu tư thông qua ngày 25/03/2015 có hiệu lực ngày 01/04/2015.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 54.423.600.000 VND, tương đương với 5.442.360,00 chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 50.395.121.700 VND, tương đương với 5.039.512,17 chứng chỉ quỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 65.046.728.000 VND, tương đương với 6.504.672,80 chứng chỉ quỹ).

Mục tiêu chính của Quỹ MBVF là đầu tư trung và dài hạn vào các doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả đầu tư tối ưu từ cổ tức và sự tăng giá gắn liền với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với UBCKNN.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 0104000473 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 19 tháng 09 năm 2006 và theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 07/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006 với tên gọi là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội. Ngày 15 tháng 11 năm 2007, Công ty Quản lý Quỹ nhận được chấp thuận của Chủ tịch UBCKNN chuyển thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội với các cổ đông sáng lập là Ngân hàng TMCP Quân đội, Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long (hiện nay đã chuyển thành Công ty Cổ phần Chứng khoán MB theo giấy phép điều chỉnh số 85/GPDC-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 07 tháng 05 năm 2012) và ông Phan Phương Anh. Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội chính thức đổi tên là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB theo Quyết định số 53/UBCK-GP của UBCKNN.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam).

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện của Quỹ trong năm và tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đỗ Linh Phương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 27 tháng 05 năm 2015
Ông Lương Văn Trung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2015
Ông Hiroshi Hiramoto	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2014
Ông Trần Hải Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2014
Ông Khổng Phan Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2015
Bà Lê Hoàng Yến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2014
Ông Nguyễn Như Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2014
Ông Phan Phương Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2015

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và tình hình đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

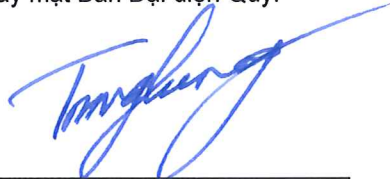
Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Theo ý kiến của Ban Đại diện Quỹ, báo cáo tài chính đính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và tình hình đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Lương Văn Trung
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2016

Số tham chiếu: 61020402/17932033 - MBVF

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các nhà đầu tư
Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital ("Quỹ") được lập ngày 25 tháng 03 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 42, bao gồm bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB và Ngân hàng Giám sát

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB, là Công ty Quản lý Quỹ của Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Báo cáo tài chính này cũng được xác nhận bởi Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered Việt Nam với tư cách là Ngân hàng Giám sát của Quỹ.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và tình hình đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saman Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2036-2013-004-1



Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2487-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO THU NHẬP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Giai đoạn từ 25/4/2014 đến 31/12/2014
1	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		6.415.355.140	8.237.327.521
2	1.1. Cổ tức được chia		3.497.663.000	694.000.000
3	1.2. Tiền lãi được nhận		1.474.293.940	1.780.814.721
4	1.3. Lãi/ (lỗ) bán các khoản đầu tư	4	4.780.707.719	3.550.335.499
5	1.4. Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(3.337.309.519)	2.212.177.301
6	1.5. Doanh thu khác		-	-
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		427.205.251	129.525.579
11	2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	6	427.205.251	129.525.579
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		2.034.375.027	1.122.995.091
20.1	3.1. Phí quản lý Quỹ mở		1.239.814.751	671.406.903
20.2	3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở		164.834.300	71.492.088
20.3	3.3. Phí dịch vụ giám sát		57.640.000	27.060.000
20.4	3.4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở		164.560.001	63.140.000
20.5	3.5. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		105.600.000	72.160.000
20.7	3.6. Chi phí họp, đại hội Quỹ mở		-	-
20.8	3.7. Chi phí kiểm toán		36.300.000	33.000.000
	3.8. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ mở		238.925.226	173.900.000
20.10	3.9. Chi phí hoạt động khác	7	26.700.749	10.836.100
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		3.953.774.862	6.984.806.851
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-

BÁO CÁO THU NHẬP (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Giai đoạn từ 25/4/2014 đến 31/12/2014
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		3.953.774.862	6.984.806.851
31	6.1. Lợi nhuận đã thực hiện		7.291.084.381	4.772.629.550
32	6.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		(3.337.309.519)	2.212.177.301
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		3.953.774.862	6.984.806.851

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Bà Lê Sỹ Hoàng
Trưởng phòng nghiệp vụ Chứng khoán

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB

Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Bà Madhavi Daluwatte
Giám đốc khối nghiệp vụ Ngân hàng

Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán Trưởng

Bà Đặng Thị Hồng Hạnh
Kế toán

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	8	28.139.070.433	36.439.042.303
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		6.139.070.433	5.439.042.303
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng		22.000.000.000	31.000.000.000
120	2. Các khoản đầu tư thuần	9	28.333.765.000	39.546.027.800
121	2.1 Các khoản đầu tư		28.333.765.000	39.546.027.800
130	3. Các khoản phải thu	10	594.002.319	418.458.611
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		594.002.319	418.458.611
136	3.1.1. Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận		594.002.319	418.458.611
100	TỔNG TÀI SẢN		57.066.837.752	76.403.528.714
	II. NỢ PHẢI TRẢ			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư	11	1.654.707.107	3.088.603.017
316	2. Chi phí phải trả	12	93.300.000	99.000.000
319	3. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	13	129.130.008	139.875.946
320	4. Phải trả khác		105.500	-
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		1.877.242.615	3.327.478.963
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		55.189.595.137	73.076.049.751
411	1. Vốn góp của nhà đầu tư	14	50.395.121.700	65.046.728.000
412	1.1 Vốn góp phát hành		138.521.549.900	76.235.728.000
413	1.2 Vốn góp mua lại		(88.126.428.200)	(11.189.000.000)
414	2. Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư		(1.628.880.594)	1.044.514.900
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	15	6.423.354.031	6.984.806.851
	Lợi nhuận đã thực hiện		7.548.486.249	4.772.629.550
	Lợi nhuận chưa thực hiện		(1.125.132.218)	2.212.177.301
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		10.951	11.234

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ		4.515.227.682	-
	1. Lợi nhuận/Tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư trong năm		4.515.227.682	-
	2. Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư lũy kế kể từ khi thành lập Quỹ mở đến kỳ lập báo cáo		4.515.227.682	-

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: chứng chỉ quỹ

CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	5.039.512,17	6.504.672,80

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Bà Lê Sỹ Hoàng
Trưởng phòng nghiệp vụ Chứng khoán

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc



Bà Madhavi Daluwatte
Giám đốc khối nghiệp vụ Ngân hàng

Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán Trưởng

Bà Đặng Thị Hồng Hạnh
Kế toán

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2015	Giai đoạn từ 25/4/2014 đến 31/12/2014
I	Giá trị tài sản ròng đầu năm/kỳ	73.076.049.751	-
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm/kỳ	(561.452.820)	6.984.806.851
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ mở trong năm/kỳ	3.953.774.862	6.984.806.851
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do phân chia lợi nhuận/tài sản của quỹ mở cho nhà đầu tư trong năm/kỳ	(4.515.227.682)	-
III	Thay đổi giá trị tài sản ròng do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	(17.325.001.794)	66.091.242.900
1	Khoản thu từ việc phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng	-	54.423.600.000
2	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	66.065.791.367	24.062.940.000
3	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(83.390.793.161)	(12.395.297.100)
IV	Giá trị tài sản ròng cuối năm/kỳ	55.189.595.137	73.076.049.751

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard
Chartered (Việt Nam)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB

Bà Lê Sỹ Hoàng
Trưởng phòng nghiệp vụ Chứng khoán

Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Bà Madhavi Daluwatte
Giám đốc khối nghiệp vụ Ngân hàng

Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán Trưởng

Bà Đặng Thị Hồng Hạnh
Kế toán

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	CHỈ TIÊU	Số lượng cổ phần	Giá thị trường VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ/Tổng giá trị tài sản hiện tại
I	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT				
1	Tổng Công ty Gas Petrolimex-Công ty Cổ phần	535.332	11.100	5.942.185.200	10,41%
2	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	255.400	21.000	5.363.400.000	9,40%
3	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	6.230	66.500	414.295.000	0,73%
4	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	322.380	9.000	2.901.420.000	5,08%
5	Công ty Cổ phần Phú Tài	4	78.500	314.000	0,00%
6	Công ty Cổ phần Sông Đà 10	444.500	12.500	5.556.250.000	9,74%
7	Công ty Cổ phần Phân bón miền Nam	517.970	14.100	7.303.377.000	12,80%
8	Công ty Cổ phần Cao Su Sao Vàng	400	34.000	13.600.000	0,02%
9	Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng	58.666	14.300	838.923.800	1,47%
	Tổng	2.140.882		28.333.765.000	49,65%
IV	CÁC TÀI SẢN KHÁC				
1	Dự thu cổ tức được nhận			535.332.000	0,94%
2	Dự thu lãi tiền gửi được nhận			58.670.319	0,10%
3	Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng			-	-
	Tổng			594.002.319	1,04%
V	TIỀN				
1	Tiền gửi không kỳ hạn			6.139.070.433	10,76%
2	Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng			22.000.000.000	38,55%
	Tổng			28.139.070.433	49,31%
VI	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC			57.066.837.752	100,00%

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard
Chartered (Việt Nam)

Le Sỹ Hoàng
Trưởng phòng nghiệp vụ Chứng khoán

Bà Madhavi Daluwatte
Giám đốc khối nghiệp vụ Ngân hàng

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB

Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán Trưởng

Bà Đặng Thị Hồng Hạnh
Kế toán

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Giai đoạn từ 25/4/2014 đến 31/12/2014
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
01	1. Tiền đã chi mua các khoản đầu tư		(154.292.851.000)	(56.703.443.000)
02	2. Tiền đã thu từ bán các khoản đầu tư		165.521.930.600	25.997.143.000
03	3. Cổ tức đã nhận		3.248.188.359	408.040.000
04	4. Tiền lãi đã thu		1.547.022.232	1.648.316.110
06	5. Tiền chi trả phí cho hoạt động Quỹ mở		(2.049.607.324)	(884.119.145)
08	6. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các khoản đầu tư (phí môi giới, phí chuyển tiền)		(434.530.761)	(118.137.562)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		13.540.152.106	(29.652.200.597)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
21	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ Quỹ mở		66.729.611.367	78.729.600.000
22	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ Quỹ mở		(83.345.282.142)	(12.394.776.603)
23	3. Tiền chi thanh toán phí phát hành, phí mua lại, thuế liên quan đến giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ		(709.331.019)	(243.580.497)
	4. Thu nhập trả cho Nhà đầu tư		(4.515.122.182)	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(21.840.123.976)	66.091.242.900
40	III. Tăng/giảm tiền thuần trong năm/kỳ		(8.299.971.870)	36.439.042.303
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm/kỳ		36.439.042.303	-
51	1. Tiền gửi ngân hàng đầu năm/kỳ		36.439.042.303	-
52	Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền		36.439.042.303	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Giai đoạn từ 25/4/2014 đến 31/12/2014
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm/kỳ	8	28.139.070.433	36.439.042.303
56	1. Tiền gửi ngân hàng cuối năm/kỳ		28.139.070.433	36.439.042.303
57	Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền		28.139.070.433	36.439.042.303
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm/kỳ		(8.299.971.870)	36.439.042.303

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Bà Lê Sỹ Hoàng
Trưởng phòng nghiệp vụ Chứng khoán

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB

Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Bà Madhavi Daluwatte
Giám đốc khối nghiệp vụ Ngân hàng

Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán Trưởng

Bà Đặng Thị Hồng Hạnh
Kế toán

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư giá trị MB Capital ("Quỹ") được thành lập ngày 25 tháng 04 năm 2014 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 25 tháng 04 năm 2014, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày 18 tháng 04 năm 2014 và điều lệ sửa đổi được đại hội nhà đầu tư thông qua ngày 25/03/2015 có hiệu lực ngày 01/04/2015.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 54.423.600.000 VND, tương đương với 5.442.360,00 chứng chỉ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 0104000473 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 19 tháng 09 năm 2006 và theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 07/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006 với tên gọi là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội. Ngày 15 tháng 11 năm 2007, Công ty Quản lý Quỹ nhận được chấp thuận của Chủ tịch UBCKNN chuyển thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội với các cổ đông sáng lập là Ngân hàng TMCP Quân đội, Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long (hiện nay đã chuyển thành Công ty Cổ phần Chứng khoán MB theo giấy phép điều chỉnh số 85/GPDC-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 07 tháng 05 năm 2012) và ông Phan Phương Anh. Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội chính thức đổi tên là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB theo Quyết định số 53/UBCK-GP của UBCKNN.

Công ty Quản lý Quỹ có trụ sở chính tại Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội.

Ngân hàng giám sát

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) được chỉ định là Ngân hàng Giám sát của Quỹ.

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 54.423.600.000 VND, tương đương với 5.442.360,00 chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 50.395.121.700 VND, tương đương với 5.039.512,17 chứng chỉ quỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 65.046.728.000 VND, tương đương với 6.504.672,80 chứng chỉ quỹ)

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ là đầu tư trung và dài hạn vào các doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả đầu tư tối ưu từ cổ tức và sự tăng giá gắn liền với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với UBCKNN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào Thứ Năm hàng tuần, và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo cho việc định giá để làm báo cáo tháng/quý/năm theo luật định.

Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ

Chứng chỉ Quỹ được giao dịch định kỳ vào ngày Thứ Năm tuần thứ hai và tuần thứ tư trong tháng. Nếu ngày giao dịch trùng vào ngày nghỉ lễ thì được chuyển sang ngày Thứ Năm kế tiếp hoặc ngày khác (nếu ngày Thứ Năm kế tiếp vẫn là nghỉ lễ) theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.

Hạn chế đầu tư

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo:

- ▶ Không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi; công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng tại các ngân hàng thương mại trong danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt;
- ▶ Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào tiền gửi; công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng; trái phiếu niêm yết; trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch; cổ phiếu niêm yết; cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch; chứng khoán phái sinh niêm yết phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó giá trị chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng;
- ▶ Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi của một tổ chức phát hành;
- ▶ Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
- ▶ Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- ▶ Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- ▶ Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam; và
- ▶ Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Trừ 3 trường hợp cuối kể trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế đầu tư và chỉ do các nguyên nhân sau:

- ▶ Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- ▶ Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- ▶ Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- ▶ Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thu tóm các tổ chức phát hành;
- ▶ Quỹ mới được phép cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; và
- ▶ Quỹ đang trong thời gian giải thể.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính ban hành, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo thu nhập, Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ mở, Báo cáo danh mục đầu tư, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính là đồng Việt Nam ("VND").

2.4 Niên độ kế toán

Năm tài chính đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 25 tháng 04 năm 2014 (ngày giấy phép thành lập Quỹ) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các năm tài chính tiếp theo của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư", phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi không kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị hợp lý.
- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi này không bao gồm lãi chưa thanh toán.
- ▶ Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết và các công cụ nợ khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này không bao gồm lãi chưa thanh toán.
- ▶ Cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư của Quỹ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong Sổ tay Định giá như sau:

- ▶ *Tiền (VND)*: là số dư tiền gửi tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ *Ngoại tệ*: Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ *Tiền gửi có kỳ hạn* là giá trị tiền gửi cộng lãi chưa thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
- ▶ *Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu có thời hạn còn lại tới thời điểm đáo hạn dưới ba (03) tháng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu*: giá được xác định là giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
- ▶ *Trái phiếu*
 - i. Trái phiếu niêm yết: Giá của trái phiếu niêm yết được xác định là giá đóng cửa (giá sạch) trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)

▶ Trái phiếu (tiếp theo)

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có các giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá mua cộng lãi lũy kế;
- ✓ Mệnh giá cộng lãi lũy kế;
- ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

ii. Trái phiếu chưa niêm yết:

- ✓ Giá yết (nếu có) (giá sạch) trên các hệ thống báo giá tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá;
- ✓ Giá mua cộng lãi lũy kế;
- ✓ Mệnh giá cộng lãi lũy kế;
- ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

▶ Cổ phiếu

i. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội: được đánh giá theo giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá trị sổ sách;
- ✓ Giá mua;
- ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

ii. Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom: được đánh giá theo giá giao dịch bình quân của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá trị sổ sách;
- ✓ Giá mua;
- ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

iii. Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch được định giá dựa trên:

- ✓ Giá trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
- ✓ Trường hợp không có đủ báo giá tối thiểu của ba (03) tổ chức báo giá, giá xác định là một trong các mức sau:
 - Giá trung bình từ các báo giá;
 - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;
 - Giá trị sổ sách;
 - Giá mua;
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)

► *Cổ phiếu (tiếp theo)*

- iv. Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch được xác định là một trong các giá sau:
 - ✓ Giá trị sổ sách;
 - ✓ Mệnh giá;
 - ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- v. Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể phá sản được xác định là một trong các mức giá sau:
 - ✓ 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá;
 - ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- vi. Cổ phần, phần vốn góp khác được định giá là một trong các mức giá sau:
 - ✓ Giá trị sổ sách;
 - ✓ Giá mua/giá trị vốn góp;
 - ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

► *Chứng khoán phái sinh*

- ✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
- ✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần trở lên giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

► *Quyền mua cổ phiếu:* Giá trị của quyền mua cổ phiếu được xác định là phần chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày lập báo cáo tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ cần có để mua một cổ phần mới.

► *Các tài sản được phép đầu tư khác:* Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ*

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như phí quản lý, phí giám sát, phí lưu ký, phí quản trị Quỹ, phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác) tại ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

3.5 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, cổ tức được nhận, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

3.6 *Các khoản phải trả*

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.7 *Dự phòng*

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Quỹ có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Quỹ có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.8 *Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của nhà đầu tư*

Vốn góp của nhà đầu tư bao gồm vốn góp theo mệnh giá và thặng dư vốn. Trong đó, thặng dư vốn thể hiện số tiền chênh lệch giữa số tiền thực nhận/thực trả tính theo giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá của chứng chỉ quỹ.

Các chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.

Số lượng chứng chỉ Quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

3.10 *Chi phí*

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

Phí quản lý quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Phí quản lý là 1,5% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng.

Phí quản lý được tính theo công thức như sau:

$$\text{Phí quản lý} = 1,5\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}.$$

Phí giám sát và phí lưu ký

Phí giám sát và phí lưu ký được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức phí dưới đây không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm lưu ký, phí giao dịch chứng khoán, v.v. Mức phí lưu ký và giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí (tiếp theo)

Phí giám sát và phí lưu ký (tiếp theo)

Phí giám sát và lưu ký tối đa được tính theo công thức như sau:

Nếu quy mô Quỹ dưới 600 tỷ đồng:

Phí lưu ký = 0,06% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Nếu quy mô Quỹ trên 600 tỷ đồng:

Phí lưu ký = 0,05% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Phí giám sát = 0,02% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Mức phí lưu ký , giám sát tối thiểu áp dụng cho 1 năm hoạt động đầu tiên:

Phí giám sát tối thiểu 3.000.000/1 tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng

Phí lưu ký tối thiểu : 6.000.000/1 tháng không có thuế giá trị gia tăng

Mức phí tối thiểu này trong năm 2015 đã được áp dụng cho Quỹ từ ngày 01/01/2015-24/04/2015.

Mức phí lưu ký , giám sát tối thiểu áp dụng cho các năm tiếp theo:

Phí giám sát tối thiểu 5.000.000/1 tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng

Phí lưu ký tối thiểu : 10.000.000/1 tháng không có thuế giá trị gia tăng

Mức phí tối thiểu này trong năm 2015 đã được áp dụng cho Quỹ từ ngày 25/04/2015-31/12/2015.

Phí dịch vụ quản trị Quỹ

Phí dịch vụ quản trị quỹ tối đa tính trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí dịch vụ quản trị quỹ tối đa được tính theo công thức như sau:

Phí quản trị quỹ = 0,035% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Phí quản trị Quỹ tối thiểu áp dụng cho 1 năm hoạt động đầu tiên : 7.000.000/1 tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng

Mức phí tối thiểu này trong năm 2015 đã áp dụng cho Quỹ từ ngày 01/01/2015-24/04/2015

Phí quản trị Quỹ tối thiểu áp dụng cho các năm tiếp theo : 15.000.000/1 tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng

Mức phí tối thiểu này trong năm 2015 đã áp dụng cho Quỹ từ ngày 25/04/2015-31/12/2015

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm phí duy trì nhà đầu tư; phí thiết lập dữ liệu nhà đầu tư; phí đăng ký mua mới, mua lại, hoán đổi và phí phân phối cổ tức. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 8.000.000 đồng/ tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

a. *Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho Nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 ("Thông tư 78") được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 và Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2013 ("Thông tư 111") được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2015 ("Thông tư 92") do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 08 năm 2010 của Tổng Cục thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 22% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

b. *Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức đầu tư nước ngoài theo Thông tư 111/2013/TT-BTC được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 92/2015/TT-BTC và Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 08 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.13 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. LÃI/ (LỖ) BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

		<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch</i>	<i>Lãi/ (lỗ) bán chứng khoán trong năm 2015</i>	<i>Lãi/ (lỗ) bán chứng khoán trong giai đoạn từ 25/4/2014 đến 31/12/2014</i>
	<i>Tổng giá trị bán</i>			
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Cổ phiếu niêm yết	147.521.957.000	142.741.249.281	4.780.707.719	3.550.335.499

5. CHÊNH LỆCH TĂNG, GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	<i>Giá trị mua theo sổ kế toán</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại tại 31/12/2015</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại tại 31/12/2014</i>	<i>Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán năm 2015</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Cổ phiếu niêm yết	29.458.897.218	28.333.765.000	(1.125.132.218)	2.212.177.301	(3.337.309.519)

Cổ phiếu niêm yết được đánh giá lại trên cơ sở giá trị thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

6. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm 2015 VND	Giai đoạn từ 25/4/2014 đến 31/12/2014 VND
Chi phí giao dịch mua cổ phiếu niêm yết	202.299.469	89.671.006
Chi phí giao dịch bán cổ phiếu niêm yết	221.298.122	38.995.718
Chi phí chuyển khoản chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	3.607.660	858.855
	427.205.251	129.525.579

7. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2015 VND	Giai đoạn từ 25/4/2014 đến 31/12/2014 VND
Phí ngân hàng	16.700.749	10.836.100
Phí quản lý thường niên	10.000.000	-
	26.700.749	10.836.100

8. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND cho hoạt động của Quỹ tại:		
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	6.139.070.433	5.439.042.303
Tiền gửi có kỳ hạn từ ba (03) tháng trở xuống bằng VND	22.000.000.000	31.000.000.000
	28.139.070.433	36.439.042.303

Tiền gửi có kỳ hạn nằm trong khoản mục tiền gửi ngân hàng bao gồm các khoản tiền gửi có thời hạn một (01) tháng với lãi suất từ 4,3%/năm đến 4,5%/năm.

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015			Ngày 31 tháng 12 năm 2014		
	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại VND	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại VND
Cổ phiếu	29.458.897.218	28.333.765.000	(1.125.132.218)	37.333.850.499	39.546.027.800	2.212.177.301
Cổ phiếu niêm yết	29.458.897.218	28.333.765.000	(1.125.132.218)	37.333.850.499	39.546.027.800	2.212.177.301
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-	-
Trái phiếu	-	-	-	-	-	-
Đầu tư khác	-	-	-	-	-	-
Tổng	29.458.897.218	28.333.765.000	(1.125.132.218)	37.333.850.499	39.546.027.800	2.212.177.301

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND</i>
Dự thu cổ tức	535.332.000	285.960.000
Dự thu lãi tiền gửi	58.670.319	132.498.611
	594.002.319	418.458.611

11. PHẢI TRẢ VỀ MUA CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND</i>
Phải trả tiền mua cổ phiếu	1.654.707.107	3.088.603.017

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND</i>
Phải trả kiểm toán	36.300.000	33.000.000
Phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ	57.000.000	66.000.000
	93.300.000	99.000.000

13. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND</i>
Phải trả phí quản lý	69.530.008	91.175.946
Phải trả phí lưu ký	11.200.000	11.300.000
Phải trả phí giám sát	5.500.000	3.300.000
Phải trả phí quản trị quỹ	16.500.000	7.700.000
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	26.400.000	26.400.000
	129.130.008	139.875.946

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	<i>Lợi nhuận đã thực hiện VND</i>	<i>Lợi nhuận chưa thực hiện VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Ngày 25 tháng 4 năm 2014	-	-	-
Phát sinh trong kỳ	4.772.629.550	2.212.177.301	6.984.806.851
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	4.772.629.550	2.212.177.301	6.984.806.851
Phát sinh trong kỳ	7.291.084.381	(3.337.309.519)	3.953.774.862
Lợi nhuận đã phân phối cho nhà đầu tư	(4.515.227.682)	-	(4.515.227.682)
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.548.486.249	(1.125.132.218)	6.423.354.031

Trong năm 2015, Quỹ đã thực hiện phân phối lợi nhuận của năm 2014 theo phê duyệt của Ban Đại Diện Quỹ với sự ủy quyền đã được Đại hội Nhà Đầu tư thường niên 2014 thông qua.

Theo đó, Quỹ đã chi trả cổ tức với tỷ lệ 7% trên vốn góp của nhà đầu tư theo mệnh giá tại ngày chốt danh sách 06/04/2015 bằng tiền mặt tương ứng 4.515.227.682 VND.

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Biến động giá trị tài sản ròng của Quỹ trong năm 2015 và 2014 được trình bày dưới đây:

STT	Ngày định giá	Năm 2015				Năm 2014			
		Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND
1	01/01/2015	73.076.049.751	6.504.672,80	11.234	125	54.431.678.452	5.442.360,00	10.001	-
2	08/01/2015	73.547.411.536	6.504.672,80	11.307	73	54.455.886.887	5.442.360,00	10.006	5
3	15/01/2015	72.359.370.494	6.474.672,80	11.176	(131)	54.815.206.946	5.442.360,00	10.072	66
4	22/01/2015	71.965.232.322	6.474.672,80	11.115	(61)	56.054.239.718	5.442.360,00	10.300	228
5	29/01/2015	72.147.217.856	6.484.361,05	11.126	11	56.311.876.079	5.442.360,00	10.347	47
6	01/02/2015	71.829.936.817	6.484.361,05	11.077	(49)	55.953.219.203	5.442.360,00	10.281	(66)
7	05/02/2015	71.411.300.273	6.484.361,05	11.013	(64)	55.628.408.180	5.442.360,00	10.221	(60)
8	12/02/2015	71.769.362.923	6.484.361,05	11.068	55	56.144.676.875	5.442.360,00	10.316	95
9	24/02/2015	71.815.598.619	6.469.934,41	11.100	32	56.412.799.136	5.448.118,04	10.355	39
10	26/02/2015	71.695.557.663	6.469.934,41	11.081	(19)	56.691.049.617	5.448.118,04	10.406	51
11	01/03/2015	72.114.246.033	6.469.934,41	11.146	65	57.259.455.308	5.448.118,04	10.510	104
12	05/03/2015	72.289.621.195	6.469.934,41	11.173	27	57.608.886.528	5.448.118,04	10.574	64
13	12/03/2015	72.092.676.946	6.469.934,41	11.143	(30)	58.084.877.841	5.448.118,04	10.661	87
14	19/03/2015	71.658.233.124	6.459.934,41	11.093	(50)	63.088.119.491	5.912.427,20	10.670	9
15	26/03/2015	71.236.964.364	6.459.934,41	11.028	(65)	63.218.544.186	5.912.427,20	10.692	22
16	01/04/2015	70.945.177.970	6.450.325,26	10.999	(29)	62.960.278.949	5.910.227,20	10.653	(39)
17	02/04/2015	70.009.716.563	6.450.325,26	10.854	(145)	63.026.508.157	5.910.227,20	10.664	11
18	09/04/2015	66.227.489.698	6.450.325,26	10.267	(587)	63.154.576.654	5.910.227,20	10.686	22
19	16/04/2015	66.557.485.503	6.444.922,69	10.327	60	63.374.573.802	5.910.227,20	10.723	37
20	23/04/2015	67.280.852.976	6.444.922,69	10.439	112	63.550.038.215	5.912.496,94	10.748	25

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Năm 2015						Năm 2014					
STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	
21	30/04/2015	67.408.773.490	6.451.144,37	10.449	10	28/08/2014	63.745.861.877	5.912.496,94	10.782	34	
22	01/05/2015	67.407.707.969	6.451.144,37	10.449	-	01/09/2014	63.874.755.776	5.919.597,10	10.790	8	
23	07/05/2015	66.460.733.583	6.451.144,37	10.302	(147)	04/09/2014	63.946.809.298	5.919.597,10	10.803	13	
24	14/05/2015	66.755.018.617	6.451.144,37	10.348	46	11/09/2014	64.431.879.793	5.919.597,10	10.885	82	
25	21/05/2015	82.658.155.222	7.900.032,84	10.463	115	18/09/2014	64.826.830.613	5.927.055,06	10.937	52	
26	28/05/2015	83.027.129.238	7.900.032,84	10.510	47	25/09/2014	64.880.523.675	5.927.055,06	10.947	10	
27	01/06/2015	97.288.221.431	9.266.157,42	10.499	(11)	01/10/2014	66.976.717.096	6.107.926,53	10.966	19	
28	04/06/2015	97.782.315.037	9.266.157,42	10.553	54	02/10/2014	67.461.676.061	6.107.926,53	11.045	79	
29	11/06/2015	97.679.036.015	9.266.157,42	10.541	(12)	09/10/2014	68.572.013.258	6.107.926,53	11.227	182	
30	18/06/2015	108.338.843.927	10.268.272,19	10.551	10	16/10/2014	77.860.643.593	6.989.729,32	11.139	(88)	
31	25/06/2015	108.186.884.766	10.268.272,19	10.536	(15)	23/10/2014	77.874.268.899	6.989.729,32	11.141	2	
32	01/07/2015	108.347.389.613	10.274.849,63	10.545	9	30/10/2014	77.434.737.727	6.989.729,32	11.078	(63)	
33	02/07/2015	108.536.702.040	10.274.849,63	10.563	18	01/11/2014	77.706.168.600	6.989.729,32	11.117	39	
34	09/07/2015	108.196.702.153	10.274.849,63	10.530	(33)	06/11/2014	77.719.570.047	6.989.729,32	11.119	2	
35	16/07/2015	114.717.778.937	10.816.029,44	10.606	76	13/11/2014	77.557.844.527	6.989.729,32	11.096	(23)	
36	23/07/2015	114.931.444.572	10.816.029,44	10.626	20	20/11/2014	71.259.733.521	6.434.523,18	11.075	(21)	
37	30/07/2015	114.385.540.257	10.813.833,86	10.578	(48)	27/11/2014	71.166.739.274	6.434.523,18	11.060	(15)	
38	01/08/2015	114.927.017.988	10.813.833,86	10.628	50	01/12/2014	69.983.034.357	6.313.157,88	11.085	25	
39	06/08/2015	116.088.190.109	10.813.833,86	10.735	107	04/12/2014	70.298.184.023	6.313.157,88	11.135	50	
40	13/08/2015	115.253.772.490	10.813.833,86	10.658	(77)	11/12/2014	69.966.230.664	6.313.157,88	11.083	(52)	

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Năm 2015					Năm 2014					
STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND
41	20/08/2015	113.683.052.651	10.812.885,50	10.514	(144)	18/12/2014	71.412.590.415	6.504.672,80	10.979	(104)
42	27/08/2015	112.069.387.828	10.812.885,50	10.364	(150)	25/12/2014	72.260.008.473	6.504.672,80	11.109	130
43	01/09/2015	112.096.188.437	10.752.554,33	10.425	61	01/01/2015	73.076.049.751	6.504.672,80	11.234	125
44	03/09/2015	112.002.288.781	10.752.554,33	10.416	(9)					
45	10/09/2015	111.908.178.693	10.752.554,33	10.408	(8)					
46	17/09/2015	111.734.355.012	10.752.554,33	10.391	(17)					
47	24/09/2015	113.306.262.424	10.752.554,33	10.538	147					
48	01/10/2015	112.431.701.081	10.632.723,20	10.574	36					
49	08/10/2015	113.732.845.665	10.632.723,20	10.696	122					
50	15/10/2015	78.403.235.785	7.150.534,79	10.965	269					
51	22/10/2015	78.658.602.536	7.150.534,79	11.000	35					
52	29/10/2015	53.323.318.807	4.851.550,85	10.991	(9)					
53	01/11/2015	53.582.998.176	4.851.550,85	11.045	54					
54	05/11/2015	53.240.984.705	4.851.550,85	10.974	(71)					
55	12/11/2015	52.893.703.071	4.851.550,85	10.902	(72)					
56	19/11/2015	52.163.355.357	4.856.699,39	10.740	(162)					
57	26/11/2015	52.908.912.337	4.856.699,39	10.894	154					
58	01/12/2015	54.961.585.951	5.033.144,45	10.920	26					
60	10/12/2015	54.775.586.803	5.033.144,45	10.883	44					
59	03/12/2015	54.555.733.048	5.033.144,45	10.839	(81)					
61	17/12/2015	54.410.316.484	5.039.512,17	10.797	(86)					
62	24/12/2015	54.451.539.320	5.039.512,17	10.805	8					
63	31/12/2015	54.496.508.533	5.039.512,17	10.814	9					
64	01/01/2016	55.189.595.137	5.039.512,17	10.951	137					
Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ					82.195.413.444					
Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ					269					
- Mức cao nhất trong kỳ (VND)					(587)					
- Mức thấp nhất trong kỳ (VND)										
					65.035.297.013					
					228					
					(104)					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
	Chứng chỉ quỹ	Chứng chỉ quỹ
Loại đến 1 năm	5.039.512,17	6.504.672,80
Loại hơn 1 năm	-	-
	5.039.512,17	6.504.672,80

18. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

18.1 Các bên liên quan

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

i) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2015 VND	Giai đoạn từ 25/4/2014 đến 31/12/2014 VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB	Công ty Quản lý Quỹ	Phí quản lý	1.239.814.751	671.406.903

Số dư trọng yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB	Công ty Quản lý Quỹ	Phí quản lý phải trả	69.530.008	91.175.946

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC (tiếp theo)

18.1 Các bên liên quan (tiếp theo)

ii) Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ

Ban Đại diện Quỹ được nhận thù lao cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 231.903.226 VND. Ngoài tiền phụ cấp, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó, Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Quỹ còn phải trả Ban Đại diện khoản thù lao quý IV năm 2015 là 57.000.000 VND.

iii) Ngân hàng TMCP Quân đội

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2015 VND	Giai đoạn từ 25/4/2014 đến 31/12/2014 VND
Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty mẹ của Công ty Quản lý Quỹ	Thu nhập lãi tiền gửi	79.358.524	3.035.556

Không có số dư trọng yếu nào với Ngân hàng TMCP Quân đội tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

iv) Công ty Cổ phần Chứng khoán MB – Nhà đầu tư

Phí môi giới chứng khoán phát sinh trong kỳ của Quỹ cho Công ty Cổ phần Chứng khoán MB là 59.533.397 đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

18.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Các giao dịch trọng yếu kỳ được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2015	Giai đoạn từ 25/4/2014 đến 31/12/2014
			VND	VND
Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	Ngân hàng Giám sát	Phí giám sát	57.640.000	27.060.000
		Phí lưu ký	151.600.000	68.200.000
		Phí dịch vụ quản trị Quỹ	164.560.001	63.140.000

Số dư trọng yếu tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
			VND	VND
Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi thanh toán	6.139.070.433	5.439.042.303
		Phí lưu ký phải trả	11.200.000	11.300.000
		Phí giám sát phải trả	5.500.000	3.300.000
		Phí dịch vụ quản trị quỹ phải trả	16.500.000	7.700.000

19. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, các khoản phải thu, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của quỹ. Nợ phải trả tài chính của quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ do Quỹ không nắm giữ các chứng khoán nợ nào.

Độ nhạy đối với lãi suất

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 do Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu niêm yết

Các cổ phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện của Quỹ xem xét và phê duyệt tất cả các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 28.333.765.000 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng (2.833.376.500) đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng lên khoảng 2.833.376.500 đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh toán, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	<i>Không kỳ hạn VND</i>	<i>Dưới 3 tháng VND</i>	<i>Từ 3 đến 12 tháng VND</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm VND</i>	<i>Trên 5 năm VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015						
Phải trả về mua khoản đầu tư	- 1.654.707.107	-	-	-	-	1.654.707.107
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	- 129.130.008	-	-	-	-	129.130.008
Phải trả thu nhập cho nhà đầu tư	- 105.500	-	-	-	-	105.500
Phải trả khác	- 93.300.000	-	-	-	-	93.300.000
	- 1.877.242.615	-	-	-	-	1.877.242.615
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014						
Phải trả về mua khoản đầu tư	- 3.088.603.017	-	-	-	-	3.088.603.017
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	- 139.875.946	-	-	-	-	139.875.946
Phải trả khác	- 99.000.000	-	-	-	-	99.000.000
	- 3.327.478.963	-	-	-	-	3.327.478.963

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và những chỉ tiêu liên quan chỉ áp dụng cho phần thuyết minh này. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ vẫn được ghi nhận theo Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 và Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Quỹ theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

► ***Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:***

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

► ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:***

- (i) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- (ii) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- (iii) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

- ▶ ***Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:***
 - (i) Các tài sản tài chính mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tại thời điểm ghi nhận ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
 - (ii) Các tài sản tài chính được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
 - (iii) Các tài sản tài chính mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng.
- ▶ ***Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:***
 - (i) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
 - (ii) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
 - (iii) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Quỹ theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- ▶ ***Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

 - (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- ▶ ***Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phí phân bổ,***

Bao gồm các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là các khoản nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm 31 tháng 12:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	29.458.897.218	28.333.765.000	37.333.850.499	39.546.027.800
- Cổ phiếu niêm yết	29.458.897.218	28.333.765.000	37.333.850.499	39.546.027.800
- Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-
Tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu	28.733.072.752	28.733.072.752	36.857.500.914	36.857.500.914
- Tiền gửi không kỳ hạn	6.139.070.433	6.139.070.433	5.439.042.303	5.439.042.303
- Tiền gửi có kỳ hạn từ ba (03) tháng trở xuống	22.000.000.000	22.000.000.000	31.000.000.000	31.000.000.000
- Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	594.002.319	594.002.319	418.458.611	418.458.611
	58.191.969.970	57.066.837.752	74.191.351.413	76.403.528.714
	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả tiền mua chứng khoán	1.654.707.107	1.654.707.107	3.088.603.017	3.088.603.017
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	129.130.008	129.130.008	139.875.946	139.875.946
Phải trả thu nhập cho nhà đầu tư	105.500	105.500		
Phải trả khác	93.300.000	93.300.000	99.000.000	99.000.000
	1.877.242.615	1.877.242.615	3.327.478.963	3.327.478.963

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả nhà cung cấp và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá gốc của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu được xác định theo nguyên tắc và phương pháp định giá lại được trình bày tại Thuyết minh số 3.3 – Các khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

STT Chỉ tiêu		Năm 2015	Giai đoạn từ 25/4/2014 đến 31/12/2014
I	Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động		
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	1,51%	1,50%
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,27%	0,22%
3	Tỷ lệ phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,33%	0,30%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,04%	0,07%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,29%	0,39%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	2,48%	2,51%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ(%) = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/ Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ/2	171,78%	95,90%
II	Các chỉ tiêu khác		
1	Quy mô quỹ đầu năm		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	65.046.728.000	-
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	6.504.672,80	-
2	Thay đổi quy mô quỹ trong kỳ		
	Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành lần đầu	-	5.442.360,00
	Giá trị vốn huy động từ đợt phát hành lần đầu (theo mệnh giá)	-	54.423.600.000
	Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ	6.228.582,19	2.181.212,80
	Giá trị vốn thực huy động thêm trong kỳ (theo mệnh giá)	62.285.821.900	21.812.128.000
	Số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ	(7.693.742,82)	(1.118.900,00)
	Giá trị vốn thực phải thanh toán trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá)	(76.937.428.200)	(11.189.000.000)
3	Quy mô quỹ cuối năm		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ	50.395.121.700	65.046.728.000
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ	5.039.512,17	6.504.672,80
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối kỳ	59,97%	71,62 %
5	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ	95,43%	96,50%
6	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ	0,04%	0,03%
7	Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối năm, kể cả giao dịch ký danh	135	167
8	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ cuối năm	10.951	11.234

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Quỹ và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ yêu cầu phải trình bày trong báo cáo tài chính.

**Ngân hàng TNHH một thành viên
Standard Chartered (Việt Nam)**



Bà Lê Sỹ Hoàng
Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán



Bà Madhavi Daluwatte
Giám đốc khối nghiệp vụ Ngân hàng

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư
MB**



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc



Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán Trưởng



Bà Đặng Thị Hồng Hạnh
Kế toán

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2016